

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Trung Thành

2/ Ông Đào Quyết Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân S thụ lý số 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984; trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/3/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu S vào ngày 26/02/2007. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện L, tỉnh V. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh S ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị có khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Gia đình 2 bên có hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 26/8/2007 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 03/5/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh S. Ly hôn chị đồng ý để anh S nuôi cả hai con chung, chị đóng góp nuôi con chung cùng anh S là 3.000.000đ/2con/tháng (mỗi con là 1.500.000đ/tháng), kể từ tháng 6/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu S vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024 anh S trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm sống ly thân như chị N trình bày là đúng; còn nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị N nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất hòa, không quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh, ly hôn anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị N xin nuôi con và yêu cầu anh cấp dưỡng thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hữu S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân S; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị N được ly hôn anh S. Về con chung: Giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị N đóng góp nuôi con chung cùng là 3.000.000đ/2 con/tháng, kể từ tháng 6/2024 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Về án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Hữu S có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu S là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ nhau nên không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không bảo ban được nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn anh S, anh S xác định cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn chị N.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh S đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và

làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung:

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, anh S yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con chung cùng; chị N đồng ý để anh S trực tiếp nuôi 2 con chung và chị tự nguyện đóng góp nuôi con chung của anh S là 3.000.000đ/2con/tháng, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Mặc dù, không tiến hành lấy lời khai của con đủ 7 tuổi trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình (do anh S từ chối cho Tòa án lấy lời khai các cháu), nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên, hơn nữa các cháu cũng đang ở ổn định cùng anh S, việc anh S xin nuôi cả hai con là hoàn toàn tự nguyện nên cần giao cho anh S trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 26/8/2007 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 03/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chị N đóng góp nuôi con chung cùng anh S là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N, anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 26/8/2007 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 03/5/2011.

Chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Hữu Slà 3.000.000đ/tháng/2con (mỗi con là 1.500.000đ/tháng), kể từ tháng 6/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000172 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N phải nộp 300.000đ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Triệu Đề;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nga